TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 530/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 07-05-2024
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Văn Mạnh.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Viên
2. Bà Võ Thị M

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân quận G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 07/05/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024 về "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 03 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trương Văn L, sinh năm 1956, địa chỉ: Thích Bửu Đ, Phường M, Quận G, Tp.Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

Bị đơn: Bà Ngô Thị M, sinh năm 1967, địa chỉ: Thích Bửu Đ, Phường M, Quận G, Tp.Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn yêu cầu đề ngày 04/01/2024, bản tự khai ngày 23/02/2024, các biên bản hòa giải, nguyên đơn ông Trương Văn L trình bày:

Ông và bà Ngô Thị M kết hôn vào năm 2000, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống có một con chung là Trương Ngô Thanh V, sinh ngày 05/11/2005. Hạnh phúc gia đình kéo dài được 20 năm, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bà M hay mạt sát ông, không chăm sóc ông khi ông bệnh tật, vợ chồng đã sống ly thân. Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên ông xin được ly hôn với bà M. Về con chung đã trưởng thành. Về tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có.

Bị đơn bà Ngô Thị M xác nhận việc kết hôn và có một con chung như lời trình bày của ông L. Vợ chồng bà có cãi nhau nhưng chưa đến nỗi bạo hành, ông L tự ý bỏ ra ngoài sống chứ bà không xua đuổi. Trong lúc nóng giận bà có ký đơn ly hôn với ông L. Tuy nhiên, nay bà không muốn ly hôn, mong được đoàn tụ gia đình. Trường hợp phải ly hôn thì con chung đã trưởng thành, tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Yêu cầu xin ly hôn của ông Trương Văn L với bà Ngô Thị M là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình. Bị đơn đang cư trú tại quận G, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của đương sự:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 41, do Ủy ban nhân dân phường N, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông L, bà M ngày 02/06/2000, đã xác định quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà M là quan hệ hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Ông L yêu cầu được ly hôn với bà M vì cho rằng tính tình không hòa hợp, bà M hay mạt sát ông, không chăm sóc ông khi ông bệnh tật, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn. Tòa án đã tiến hành hòa giải, động viên ông L suy nghĩ lại, để cùng với bà M trở về đoàn tụ gia đình, nhưng ông L vẫn kiên quyết xin ly hôn. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa ông L với bà M đã tới mức trầm trọng.

Bà M không muốn ly hôn với ông L nhưng bản thân bà M không đưa ra được cơ sở thuyết phục để ông L thay đổi ý kiến, trở về đoàn tụ gia đình. Mặt khác, bà M cho rằng lúc mới cưới về bà đã muốn ly hôn với ông L vì suốt ngày đi đánh cờ tướng, ông L làm chồng mà không có trách nhiệm với gia đình, sau khi dịch bệnh ông L không đi làm, không đưa tiền cho bà. Ông L mưu mô xảo quyệt, chờ đến khi con lớn, bước sang tuổi 19 là ông L đòi ly hôn, bán nhà, vì lúc đó con đã trưởng thành sẽ không được chia tài sản gì. Như vậy, từ lời trình bày của bà M cũng đã thể hiện có sự mâu thuẫn trong cuộc sống của vợ chồng ông, bà.

Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân là sự tự nguyện, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình ấm no, hạnh phúc, bền vững, là sự nỗ lực phấn đấu, xây dựng của cả hai bên vợ chồng. Nay ông L kiên quyết xin ly hôn cho thấy hôn nhân giữa ông L và bà M đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông L yêu cầu giải quyết ly hôn với bà M là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận.

Về con chung: Có một con chung là Trương Ngô Thanh V, sinh ngày 05/11/2005, đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung các đương sự khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông L là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trương Văn L đối với bà Ngô Thị M.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Văn L được ly hôn với bà Ngô Thị M (Giấy chứng nhận kết hôn số 41/2000 quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường N, quận B, Tp. Hồ Chí Minh cấp cho ông L, bà M ngày 02/06/2000 không còn giá trị).

- Về con chung: Có một con chung là Trương Ngô Thanh V, sinh ngày 05/11/2005, đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung các đương sự khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Ông L là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn lại cho ông L, bà M số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông L, bà M đã nộp theo biên lai thu số 0013390 ngày 15/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND Tp.HCM;
-VKSND quận G;
-CCTHADS quận G;
- UBND phường N, Q B;
-Các đương sự;
-Lưu VP, hồ sơ .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Tô Văn Mạnh